

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG TH PHỔ THÔNG
TÂN BÌNH – BÌNH DƯƠNG**
Số: 60 /CV- THPTTBBD

V/v báo cáo tình hình quản lý,
sử dụng tài sản công và tổng kiểm kê
năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 3531/QĐ-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2025 của

Bộ Tài chính ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026 thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

Căn cứ Kế hoạch số 5599/KH-SGDĐT ngày 10/12/2025 về việc triển khai tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026 và kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-THPTTB-BD của Trường Trung học phổ thông Tân Bình – Bình Dương ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc triển khai tổng kiểm kê tài sản công tại Trường Trung học phổ thông Tân Bình – Bình Dương thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026 và kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ.

Trường Trung học phổ thông Tân Bình – Bình Dương báo cáo tình hình quản lý tài sản công năm 2025 cụ thể như sau:

1. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại trường được thực hiện theo các quy định hiện hành. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành hàng năm tại đơn vị, tài sản cố định được theo dõi trên hệ thống sổ sách kế toán và cập nhật vào phần mềm quản lý tài sản nhà nước theo quy định; cụ thể như sau:

- + Sử dụng tài sản công đúng mục đích, hiệu quả.
- + Việc bố trí, khai thác và sử dụng tài sản công được thực hiện hợp lý, phục vụ tốt cho hoạt động của đơn vị, giảm lãng phí, tăng hiệu quả sử dụng.
- + Đơn vị đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Kết quả cập nhật dữ liệu về tài sản công năm 2025:

Đã hoàn thành cập nhật thông tin tài sản kiểm kê vào phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công trên trang <https://kktsc.mof.gov.vn/login>. (Báo cáo tổng kiểm kê đính kèm).

3. Công khai tài sản công

Niêm yết tại bảng thông tin nội bộ theo đúng quy định về công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công (Mẫu số 09a-CK/TSC); Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (Mẫu số 09b-CK/TSC); Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác (Mẫu số 09c-CK/TSC); Công khai tình hình xử lý tài sản công (Mẫu số 09d-CK/TSC). (Đính kèm báo cáo).

Trên đây là báo cáo của Trường Trung học phổ thông Tân Bình – Bình Dương gửi Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thế Cường

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương

Mã đơn vị: 1015604

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Hà Thị Thùy

Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)




Nguyễn Thế Cường

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương
Mã đơn vị: 1015604
Loại hình đơn vị: Khôì sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất trường tại KP Công Xanh, TT Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	19.611	9.631.599		19.611																	
2	Các dãy nhà									2022	8.318	65.631.986	63.006.707		8.318							
	Tổng cộng:	19.611	9.631.599		19.611						8.318	65.631.986	63.006.707		8.318							

Ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Hà Thị Thùy

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thế Cường

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương

Mã đơn vị: 1015604

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		355	7.416.355	7.416.355		3.784.439							
1	Ampli - Loa thùng - Micro	Phòng Ngoại ngữ 1	1	10.673	10.673		6.404							x
2	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
3	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
4	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
5	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
6	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
7	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
8	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
9	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
10	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
11	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
12	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
13	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
14	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
15	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
16	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
17	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
18	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
19	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
20	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
21	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
22	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
23	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
24	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
25	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
26	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
27	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
28	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
29	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
30	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
31	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
32	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
33	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
34	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
35	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
36	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
37	Máy tính laptop Dell	Trường THPT Tân Bình	1	10.800	10.800				x					x
38	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
39	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
40	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
41	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
42	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
43	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
44	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
45	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
46	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
47	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
48	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
49	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
50	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
51	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
52	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
53	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
54	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
55	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
56	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
57	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
58	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
59	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
60	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
61	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
62	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
63	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
64	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
65	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
66	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
67	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
68	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539							x
69	Máy tính giáo viên phòng Tin học	Phòng thực hành Tin học	1	21.977	21.977		13.186							x
70	Máy tính giáo viên phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	21.855	21.855		13.113							x
71	Máy tính giáo viên	Phòng ngoại ngữ 2	1	16.699	16.699		10.019							x
72	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
73	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
74	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
75	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
76	Máy tính phòng Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng	1	22.550	22.550		13.530							x
77	Máy tính phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng tầng 2	1	22.550	22.550		13.530							x
78	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A8	1	12.500	12.500		7.500							x
79	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A8	1	12.500	12.500		7.500							x
80	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A1	1	12.500	12.500		7.500							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
81	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A1	1	12.500	12.500		7.500							x
82	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A1	1	12.500	12.500		7.500							x
83	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A3	1	12.500	12.500		7.500							x
84	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A2	1	12.500	12.500		7.500							x
85	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A2	1	12.500	12.500		7.500							x
86	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A7	1	12.500	12.500		7.500							x
87	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A2	1	12.500	12.500		7.500							x
88	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A5	1	12.500	12.500		7.500							x
89	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A3	1	12.500	12.500		7.500							x
90	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A4	1	12.500	12.500		7.500							x
91	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A3	1	12.500	12.500		7.500							x
92	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A6	1	12.500	12.500		7.500							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
93	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A3	1	12.500	12.500		7.500							x
94	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A4	1	12.500	12.500		7.500							x
95	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A5	1	12.500	12.500		7.500							x
96	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A6	1	12.500	12.500		7.500							x
97	Tủ trưng bày phòng Thiết bị	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875							x
98	Tủ trưng bày phòng Thiết bị	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875							x
99	Tủ trưng bày	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875							x
100	Tủ trưng bày	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875							x
101	Tủ đựng dụng cụ, thiết bị chuyên ngành y tế và thuốc chữa bệnh	Phòng Thực hành Lý	1	11.600	11.600		9.280							x
102	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A3	1	12.500	12.500		7.500							x
103	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A2	1	12.500	12.500		7.500							x
104	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A5	1	12.500	12.500		7.500							x
105	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A2	1	12.500	12.500		7.500							x
106	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A4	1	12.500	12.500		7.500							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
107	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A4	1	12.500	12.500		7.500							x
108	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A6	1	12.500	12.500		7.500							x
109	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A4	1	12.500	12.500		7.500							x
110	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A1	1	12.500	12.500		7.500							x
111	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A1	1	12.500	12.500		7.500							x
112	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A3	1	12.500	12.500		7.500							x
113	Máy tính phòng KT	Phòng Kế toán	1	22.550	22.550		13.530							x
114	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A1	1	12.500	12.500		7.500							x
115	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A5	1	12.500	12.500		7.500							x
116	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A2	1	21.950	21.950		13.170							x
117	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A4	1	21.950	21.950		13.170							x
118	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A5	1	21.950	21.950		13.170							x
119	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A5	1	21.950	21.950		13.170							x
120	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A5	1	21.950	21.950		13.170							x
121	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A6	1	21.950	21.950		13.170							x
122	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A3	1	21.950	21.950		13.170							x
123	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A4	1	21.950	21.950		13.170							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
124	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A2	1	21.950	21.950		13.170							x
125	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A6	1	21.950	21.950		13.170							x
126	Máy tính văn phòng	Văn Phòng	1	22.550	22.550		13.530							x
127	Máy tính văn phòng	Văn Phòng	1	22.550	22.550		13.530							x
128	Máy tính phòng Y tế	Phòng Y tế	1	22.550	22.550		13.530							x
129	Máy tính phòng Thư Viện	Phòng Thực hành Lý	1	22.550	22.550		13.530							x
130	Máy tính phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng tầng 3	1	22.550	22.550		13.530							x
131	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A4	1	21.950	21.950		13.170							x
132	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A2	1	12.500	12.500		7.500							x
133	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A3	1	21.950	21.950		13.170							x
134	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A2	1	21.950	21.950		13.170							x
135	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A5	1	12.500	12.500		7.500							x
136	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A7	1	12.500	12.500		7.500							x
137	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A4	1	12.500	12.500		7.500							x
138	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A6	1	12.500	12.500		7.500							x
139	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A5	1	12.500	12.500		7.500							x
140	Phần mềm quản lý giảng dạy có bản quyền Mythware Classroom Management cho 48 học viên	Phòng Ngoại ngữ 1	1	38.367	38.367		23.020							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
141	Phần mềm quản lý giảng dạy có bản quyền Mythware Classroom Management cho 48 học viên	Phòng thực hành Tin học	1	37.310	37.310		22.386							x
142	Ôn áp 1 pha	Phòng Ngoại ngữ 1	1	20.127	20.127		15.095							x
143	Ôn áp 1 pha	Phòng ngoại ngữ 2	1	16.485	16.485		12.363							x
144	Ôn áp 1 pha	Phòng thực hành Tin học	1	20.240	20.240		15.180							x
145	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A1	1	21.950	21.950		13.170							x
146	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A3	1	21.950	21.950		13.170							x
147	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A1	1	21.950	21.950		13.170							x
148	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A1	1	21.950	21.950		13.170							x
149	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A7	1	21.950	21.950		13.170							x
150	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A8	1	21.950	21.950		13.170							x
151	Tủ trưng bày phòng truyền thống	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875							x
152	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
153	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
154	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
155	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
156	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
157	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
158	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
159	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
160	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
161	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
162	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
163	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
164	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
165	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
166	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
167	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
168	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
169	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
170	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		9.310							x
171	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
172	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
173	Bộ hóa chất Hóa 11 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	28.580	28.580		17.148							x
174	Bộ hóa chất Hóa 11 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	28.580	28.580		17.148							x
175	Bộ hóa chất Hóa 10 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	25.187	25.187		15.112							x
176	Bộ hóa chất Hóa 10 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	25.187	25.187		15.112							x
177	Bộ hóa chất Hóa 10 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	25.187	25.187		15.112							x
178	Bộ điều khiển giáo viên	Phòng Ngoại ngữ 1	1	33.900	33.900		25.425							x
179	Bộ chuyển đổi tín hiệu đầu vào cho bàn điều khiển giáo viên Hiclass V IK3000V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	31.955	31.955		23.966							x
180	Bảng tương tác cho giáo viên có giá đỡ kèm phần mềm soạn	Trường THPT Tân Bình	2	170.998	170.998				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
181	Bản thí nghiệm Sinh của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm	Phòng Thực hành sinh	1	30.036	30.036		22.527							x
182	Bản thí nghiệm môn công nghệ của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm	Phòng Thực hành công nghệ	1	32.608	32.608		24.456							x
183	Bản thí nghiệm Lý của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm (tủ bộ nguồn)	Phòng Thực hành Lý	1	32.608	32.608		24.456							x
184	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ tích hợp bồn rửa mắt khẩn cấp	Phòng Thực hành sinh	1	19.854	19.854		14.891							x
185	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ tích hợp bồn rửa mắt khẩn cấp	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	21.516	21.516		12.909							x
186	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		8.275							x
187	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
188	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
189	Bộ hóa chất Hóa 11 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	28.580	28.580		17.148							x
190	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
191	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
192	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
193	Bản thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
194	Bản thí nghiệm Hóa của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.550	32.550		24.412							x
195	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 4	Phòng nghỉ GV tầng 4	1	11.500	11.500		8.625							x
196	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 3	Phòng nghỉ giáo viên tầng 3	1	11.500	11.500		8.625							x
197	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 2	Phòng NGHỈ Giáo viên tầng 2	1	11.500	11.500		8.625							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
198	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 1	Phòng NGHỈ Giáo viên tầng 2	1	11.500	11.500		8.625							x
199	Bàn oval uống nước phòng giám thị	Phòng giám thị, tiếp dân	1	11.500	11.500		8.625							x
200	Bàn họp hình chữ nhật	Phòng hội đồng	1	68.000	68.000		51.000							x
201	Bàn ghế giáo viên hình chữ L	Phòng ngoại ngữ 2	1	13.487	13.487		10.116							x
202	Bàn ghế giáo viên hình chữ L	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.503	14.503		10.877							x
203	Bàn để tài liệu	PHÒNG Thiết bị	1	11.500	11.500		8.625							x
204	Ampli - Loa thùng - Micro không dây cầm tay	Phòng Ngoại ngữ 1	1	13.237	13.237		7.942							x
205	Ampli - Loa thùng - Micro có dây cầm tay	Phòng ngoại ngữ 2	1	11.239	11.239		6.744							x
206	Ampli - Loa thùng - Micro	Phòng thực hành Tin học	1	10.733	10.733		6.440							x
207	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
208	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
209	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
210	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
211	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
212	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
213	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		8.275							x
214	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344							x
215	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
216	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
217	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		9.310							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
218	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
219	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
220	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
221	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
222	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
223	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
224	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
225	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
226	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545							x
227	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
228	Bộ hóa chất Hóa 12 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.383	32.383		19.430							x
229	Bộ hóa chất Hóa 12 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.383	32.383		19.430							x
230	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
231	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
232	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
233	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
234	Máy tính cho gio vin	Trường THPT Tân Bình	2	31.564	31.564				x					x
235	Máy tính B-FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	3	35.128	35.128				x					x
236	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	1	15.635	15.635				x					x
237	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	2	18.000	18.000				x					x
238	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	35	501.025	501.025				x					x
239	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	5	78.100	78.100				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
240	Máy photocopy: (kể cả chân đế máy đi kèm) văn phòng	Phòng Thực hành Lý	1	59.500	59.500		35.700							x
241	Máy photo Fuji Xerox DC V3065CPS	Trường THPT Tân Bình	1	81.000	81.000				x					x
242	Máy lạnh văn phòng	Văn Phòng	1	20.000	20.000		15.000							x
243	Máy lạnh phòng Kế toán	Phòng Kế toán	1	20.000	20.000		15.000							x
244	Máy in Laser đen - trắng để in khổ giấy A3	Văn Phòng	1	20.800	20.800		12.480							x
245	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
246	Máy chiếu vật thể phòng NN2	Phòng ngoại ngữ 2	1	21.944	21.944		13.166							x
247	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
248	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
249	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
250	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
251	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
252	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
253	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
254	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
255	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
256	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
257	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
258	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
259	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
260	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
261	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
262	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
263	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
264	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586							x
265	Bộ hóa chất Hóa 12 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.383	32.383		19.430							x
266	Máy chiếu vật thể	Trường THPT Tân Bình	2	44.764	44.764				x					x
267	Máy chiếu Panasonic PT-TW341R	Trường THPT Tân Bình	4	148.400	148.400				x					x
268	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A5	1	69.990	69.990		41.994							x
269	Máy chiếu cự ly gần	Trường THPT Tân Bình	2	69.572	69.572				x					x
270	Máy chiếu tích hợp tương tác	Trường THPT Tân Bình	5	208.750	208.750				x					x
271	Kính hiển vi phóng đại 1600X, 2 thị kính	Phòng Thực hành sinh	1	13.700	13.700		10.275							x
272	Khởi điều khiển học viên 2 công Hiclass V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	12.351	12.351		9.263							x
273	Két sắt	Văn Phòng	1	19.800	19.800		14.850							x
274	Hệ thống lọc nước uống tinh khiết	Phòng Thực hành Lý	1	164.000	164.000		98.400							x
275	Hệ thống đường ống dẫn nước sạch	Phòng Thực hành Lý	1	26.500	26.500		15.900							x
276	Hệ thống cable cho phòng Hiclass V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	26.489	26.489		19.867							x
277	Giường nâng inox, 2 tư thế	Phòng Thực hành Lý	1	14.800	14.800		11.840							x
278	Bộ salon gỗ	Phòng Hiệu trưởng	1	34.500	34.500		25.875							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
279	Bộ lọc nước giếng sinh hoạt còn gọi Hệ thống lọc nước giếng khoan, đạt tiêu chuẩn nước nhà máy cung ứng	Phòng Thực hành Lý	1	52.000	52.000		31.200							x
280	Bộ khuếch đại đường truyền 8 cổng Hiclass V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	25.753	25.753		19.315							x
281	Bộ hóa chất Sinh (GV+HS) lớp 11	Phòng Thực hành sinh	1	22.500	22.500		13.500							x
282	Bộ hóa chất Sinh (GV+HS) lớp 10	Phòng Thực hành sinh	1	21.500	21.500		12.900							x
283	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A5	1	69.990	69.990		41.994							x
284	Máy chiếu Panasonic PT-VX42Z	Trường THPT Tân Bình	1	19.900	19.900				x					x
285	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A3	1	69.990	69.990		41.994							x
286	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A4	1	69.990	69.990		41.994							x
287	Máy chiếu đa năng tích hợp bảng tương tác điện tử thông minh NEC phòng NN2	Phòng ngoại ngữ 2	1	28.366	28.366		17.020							x
288	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A1	1	69.990	69.990		41.994							x
289	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A2	1	69.990	69.990		41.994							x
290	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A1	1	69.990	69.990		41.994							x
291	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A3	1	69.990	69.990		41.994							x
292	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A4	1	69.990	69.990		41.994							x
293	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A4	1	69.990	69.990		41.994							x
294	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A2	1	69.990	69.990		41.994							x
295	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A5	1	69.990	69.990		41.994							x
296	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A2	1	69.990	69.990		41.994							x
297	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A6	1	69.990	69.990		41.994							x
298	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A7	1	69.990	69.990		41.994							x
299	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A6	1	69.990	69.990		41.994							x
300	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A1	1	69.990	69.990		41.994							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
301	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A3	1	69.990	69.990		41.994							x
302	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A8	1	69.990	69.990		41.994							x
303	Tủ trưng bày phòng truyền thống	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875							x

Ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Hà Thị Thùy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)





Nguyễn Thế Cường



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương
Mã đơn vị: 1015604
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất	14.228.640		14.228.640												
1	Quyền sử dụng đất tại Đường tỉnh 747, Ấp 3, Xã Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Mỹ, Tân Uyên, Bình Dương	14.228.640		14.228.640	x											
II	Nhà	10.165.049		1.550.982												
1	Nhà bảo vệ tại	15.786		1.894	x											
2	Nhà tập thể - 2 phòng tại	24.000			x											
3	Nhà tập thể - 3 phòng tại	23.181			x											
4	Nhà tập thể - 3 phòng tại	30.000			x											
5	Nhà tập thể - 4 phòng tại	999.217		466.035	x											
6	Nhà tập thể - 5 phòng tại	47.423			x											
7	Phòng học tại	3.847.865		461.744	x											
8	Phòng làm việc, phòng chức năng tại	5.177.577		621.309	x											
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	1.693.156	646.510	77.989												
1	Amply Toa A - 2240	7.850			x											

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Bảng tương tác cho giáo viên có giá đỡ				x											
3	Bộ bàn gỗ phòng họp	23.880			x											
4	Bộ salon	18.500			x											
5	Camera quan sát	19.398			x											
6	Chuông báo giờ học		10.000		x											
7	Dàn âm thanh	57.750			x											
8	Kệ để thiết bị âm(Sắt)(0x0+1)	5.124			x											
9	Kệ thư viện(D 182 x R40xC180cm)	5.124			x											
10	Kết sắt chống chát	15.350			x											
11	Kính hiển vi 1 mắt M-100 Fled (OpTika)	6.800			x											
12	Loa ko	7.000			x											
13	Máy chiếu	130.504			x											
14	Máy chiếu				x											
15	Máy chiếu - Màn chiếu Loại 2	54.000			x											
16	Máy chủ CMS Solomon Sever	13.440			x											
17	Máy chụp hình Sony KTS DSC-H 400/BCE 32 Imciso 10513674	7.490			x											
18	Máy đếm tiền XIUDUN 2200- UV	5.390			x											
19	Máy điều hòa	28.000			x											
20	Máy điều hòa Aqua 2HP	49.400			x											
21	Máy điều hòa MitsubishiElectric	11.140			x											
22	Máy điều hòa Pansasonic 1 HP	12.800			x											
23	Máy in		74.280		x											

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
24	Máy in Toshiba	27.300			x											
25	Máy lạnh Loại 1	81.000		30.375	x											
26	Máy lạnh treo tường 2 HP		23.280	8.730	x											
27	Máy pho siêu tốc Risô CZ 180	69.900			x											
28	Máy photo KONIKA bizhub 210	39.600			x											
29	Máy tính				x											
30	Máy tính				x											
31	Máy tính thương hiệu VN		16.260		x											
32	Máy tính thương hiệu VN		502.250		x											
33	Máy vi tính				x											
34	Máy Vi tính Dell vos 15 3580	25.972			x											
35	Máy vi tính FPT Elead	24.800			x											
36	Máy vi tính FPT Elead	455.000			x											
37	Máy vi tính FPT Elead	33.222			x											
38	Máy vi tính FPT Elead	44.296			x											
39	Máy vi tính FPT Elead	14.450			x											
40	Máy vi tính FPT Elead	57.800			x											
41	Máy vi tính INTEL CORB2DUO-E7500-2.93GHZ	16.500			x											
42	Micro AKG WMS 40 PRONSINI 2	6.600			x											
43	Micro không dây AKG WMS40 mini doal vocal set	5.650			x											
44	Ôn áp	11.635			x											
45	Ôn áp 20KVA		10.440	3.915	x											
46	Ôn áp Robot 20KVA	10.450			x											

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
47	Smart Tivi Sam Sung		10.000	2.000	x											
48	Thiết bị kiểm tra đánh giá cho học sinh	96.560			x											
49	Ti vi JVC53 in	51.750			x											
50	Tivi LCD 32S8	41.745			x											
51	Tivi LCD LA-32A450CIXXV	16.500			x											
52	Tivi LED Chuẩn Full HD 60" + kèm giá treo Tivi	41.211		32.969	x											
53	Tủ hồ sơ	6.275			x											
54	Tủ hồ sơ	6.500			x											
55	Tủ hồ sơ 09K2 HP	5.850			x											
56	Tủ hồ sơ sắt	5.980			x											
57	Tủ hồ sơ sắt	17.670			x											

Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Hà Thị Thùy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thế Cường